

Bản án số: 148/2025/DS-ST

Ngày: 01-8-2025

V/v Tranh chấp hợp đồng  
tín dụng

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10-THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Vũ Ngọc Chiến.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Phan Thị Dòn.
2. Bà Trương Thị Kim Chơn.

*- Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thu – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* Ông Ngô Hoàng Phương Đại-Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 10- Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 1083/2024/TLST-DS ngày 17 tháng 12 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 530/2025/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 6 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2025/QĐST-DS, ngày 01/7/2025; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Sài Gòn TT. Địa chỉ: 266-268 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh. Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch Diễm. Đại diện theo ủy quyền khởi kiện: Công ty TNHH MTV quản lý nợ và khai thác tài sản Ngân hàng Sài Gòn TT. Đại diện theo ủy quyền: Trần Gia Thế. Địa chỉ: 278 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà Thái Thị KN, sinh năm 1993. Địa chỉ: C12/344, ấp 3, xã Tân Nhựt, Thành phố Hồ Chí Minh.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản không tiến hành hòa giải được; đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trần Gia Thế trình bày:***

Ngày 03/08/2022 bà Thái Thị KN có ký với Ngân hàng TMCP Sài Gòn TT (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng— các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của Bà Ngân, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng VS payWave Cre Platinum Cashback VS payWave Cre Platinum Cashback với hạn mức sử dụng là 30,000,000 đồng. Đến ngày 30/08/2022 Bà Ngân thực hiện đăng ký vay tiêu dùng trên ứng dụng Sacombank Pay (viết tắt là Sacombank Pay) với số tiền giải ngân là 30,000,000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân.

**Đối với thẻ tín dụng VS payWave Cre Platinum Cashback 436438 – 3254:**

- Sau khi được cấp thẻ Bà Ngân đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 48,618,400 đồng.

- Trong quá trình sử dụng thẻ đến nay Bà Ngân đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 29,864,610 đồng. (Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 21 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Sau thời gian sử dụng Bà Ngân không có thiện chí trả nợ. Do Bà Ngân vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 18 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 15/02/2023 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của Bà Ngân chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu (Dư nợ gốc) sang nợ quá hạn (Điều 24 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Tính đến ngày 01/8/2025, thẻ tín dụng VS payWave Cre Platinum Cashback 436438 - 3254 của Bà Ngân còn nợ tổng số tiền 54,295.979 đồng cụ thể như sau:

Dư Nợ quá hạn: 25,465,097 đồng; Lãi quá hạn: 28.830.882 đồng. Lãi suất trong hạn: 2.48%/tháng; Lãi suất quá hạn: 3.72%/tháng (2.48%X150%)

**Đối với Khoản vay tiêu dùng Sacombank Pay giải ngân qua số tài khoản 3856511518:**

- Từ ngày giải ngân số tiền 7,000,000 đồng đến nay bà Ngân đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 7,430,000 đồng. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng Bà Ngân vẫn chưa thanh toán đủ số tiền nợ. Do Bà Ngân vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 3 của Bản Điều khoản và Điều kiện vay tiêu dùng trên ứng dụng Sacombank Pay), ngày 26/01/2023 Ngân hàng đã chấm dứt và chuyển toàn bộ dư nợ gốc sang nợ quá hạn (Điều 5 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành vay tiêu dùng trên ứng dụng Sacombank Pay).

- Tính đến ngày 01/8/2025, khoản vay Sacombank Pay 3856511518 của Bà Ngân còn nợ tổng số tiền 493.750 đồng cụ thể như sau: Dư Nợ quá hạn: 0 đồng; Lãi quá hạn: 493.750 đồng. Lãi suất trong hạn: 2.22%/tháng; Lãi suất quá hạn: 3.33%/tháng (2.22%x150%)

- Mặc dù Ngân hàng đã yêu cầu Bà Ngân có trách nhiệm thanh toán, tuy nhiên Bà Ngân vẫn chưa thanh toán cho Ngân hàng, vi phạm các Điều khoản và Điều kiện đã qui định tại Hợp đồng. Do đó, để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Ngân hàng, Ngân hàng TMCP Sài Gòn TT kính đề nghị Quý Tòa giải quyết những vấn đề sau đây đối với bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

**YÊU CẦU GIẢI QUYẾT**

+Buộc bà Thái Thị KN phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 01/8/2025 là 54,789,729 đồng (Bằng chữ: Năm mươi bốn triệu, bảy trăm tám mươi chín ngàn, bảy trăm hai mươi chín đồng)

+Buộc bà Thái Thị KN có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 02/8/2025 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng. Ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10- Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa đã phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong suốt quá trình giải quyết vụ án của những người tiến hành tố tụng, tham gia tố tụng. Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên, còn vi phạm về thời hạn đưa vụ án ra xét xử.

Về nội dung vụ án: Sau khi phân tích, đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

**[1]. Về tố tụng:**

[1.1]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định đây là vụ án dân sự về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Bị đơn bà Thái Thị KN có nơi cư trú tại xã Tân Nhựt, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn vào khoản 3 Điều 26; tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 10- Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.2]. Về sự vắng mặt của bị đơn bà Thái Thị KN. Tòa án đã tiến hành tổng đạt, niêm yết hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, giấy triệu tập đương sự tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nhưng bị đơn vẫn không đến tham gia tố tụng tại Tòa án; ông Trần Gia Thế đại diện nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; Hội đồng xét xử đưa vụ án ra xét xử vắng mặt ông Thế và bà Ngân theo quy định tại Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

**[2]. Về nội dung:**

[2.1]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn TT thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần; mã số doanh nghiệp 0301103908; đăng ký lần đầu, ngày 13/01/1992; đăng ký thay đổi lần thứ 41, ngày 26/12/2022; do Phòng đăng ký kinh doanh- Sở kế hoạch và đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Công ty TNHH MTV quản lý nợ và khai thác tài sản Ngân hàng Sài Gòn TT, thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công trách nhiệm hữu hạn một thành viên; mã số doanh nghiệp 0302487233; đăng ký lần đầu, ngày 24/01/2003; đăng ký thay đổi lần thứ 27, ngày 12/10/2022; do Phòng đăng ký kinh doanh- Sở kế hoạch và đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

[2.2]. Ngày 03/8/2021, bà Thái Thị KN có ký với Ngân hàng TMCP Sài Gòn TT (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Căn cứ thu nhập của ông bà Ngân, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng cho bà Ngân:

+ Đối với thẻ tín dụng VS payWave Cre Platinum Cashback 436438 – 3254; với hạn mức sử dụng là 30,000,000 đồng. Sau khi được cấp thẻ bà Ngân đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 48,618,400 đồng; Trong quá trình sử dụng thẻ đến nay Bà Ngân đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 29,864,610 đồng. Tính đến ngày 01/8/2025 bà Ngân còn nợ số tiền 54,295,979 đồng; trong đó: nợ quá hạn 25.465.097 đồng; lãi quá hạn: 28,830,882 đồng.

+ Đối với khoản vay tiêu dùng Sacombank Pay giải ngân qua số tài khoản 3856511518: Số tiền giải ngân 7.000.000 đồng, đến nay bà Ngân đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 7,430,000 đồng. Tính đến ngày 01/8/2025 bà Ngân còn nợ số tiền. 493,750 đồng; trong đó: nợ quá hạn: 0 đồng; lãi quá hạn: 493,750 đồng.

(Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 21 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Sau thời gian sử dụng bà Ngân không có thiện chí trả nợ. Do bà Ngân vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 18 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 26/01/2023 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của bà Ngân và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu (Dư nợ gốc) sang nợ quá hạn (Điều 24 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Như vậy, có cơ sở xác định bà Thái Thị KN có thỏa thuận sử dụng dịch vụ thẻ tín dụng với nguyên đơn và còn nợ số tiền tạm tính đến ngày 01/8/2025 là 54,789,729 đồng

(Bằng chữ: Năm mươi bốn triệu, bảy trăm tám mươi chín ngàn, bảy trăm hai mươi chín đồng). Nguyên đơn đã giải ngân theo đúng thỏa thuận; bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán.

Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở và được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3]. Xét yêu cầu về lãi suất: Sự thỏa thuận về mức lãi suất vay của các bên là phù hợp với quy định của pháp luật, không trái với Điều 11 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng. Đối với mức lãi suất mà các bên thỏa thuận thì ngân hàng có niềm yết công khai và báo cáo với Ngân hàng nhà nước Việt Nam theo quy định. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng mà không cần phải điều chỉnh.

[2.4] Căn cứ vào bản sao kê thanh toán và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án và từ những nhận định, viện dẫn và phân tích nêu trên; xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3]. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Theo Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán thì: Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4]. Bà Thái Thị KN đã được Tòa án triệu tập đến để ghi nhận ý kiến, tiến hành thủ tục giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như việc tham gia phiên tòa xét xử giải quyết vụ án với nguyên đơn nhưng vẫn vắng mặt. Vì vậy, bà Ngân đã tự từ bỏ quyền được chứng minh của mình, phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ yêu cầu khởi kiện, lời trình bày cũng như chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để làm cơ sở xem xét giải quyết vụ án.

[5] Xét phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10- Thành phố Hồ Chí Minh là có cơ sở và phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ.

[6]. Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ :

Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Điều 91, Điều 94, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

**Tuyên xử:**

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn TT về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

1.1. Buộc bà Thái Thị KN trả Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn TT số tiền tạm tính đến ngày 01/8/2025 là 54.789.729 đồng (Năm mươi bốn triệu, bảy trăm tám mươi chín nghìn, bảy trăm hai mươi chín) đồng, trong đó:

Nợ quá hạn: 25.465.097 đồng; Lãi quá hạn: 27.851.220 đồng và lãi quá hạn 493.750 đồng. Theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 03/8/2022: Đối với thẻ tín dụng VS payWave Cre Platinum Cashback 436438 – 3254 và đối với Khoản vay tiêu dùng Sacombank Pay giải ngân qua số tài khoản 3856511518

1.2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Các bên thi hành án tại Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2/ Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Thái Thị KN chịu 2.739.486 (Hai triệu, bảy trăm ba mươi chín nghìn, bốn trăm tám mươi sáu) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn TT số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.258.328 (Một triệu, hai trăm năm mươi tám nghìn, ba trăm hai mươi tám) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0051475 ngày 09/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

3/ Quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt, niêm yết hợp lệ.

4/ Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND KV10-Tp.HCM(2);
- THADS Tp.HCM(1);
- Lưu hồ sơ vụ án (4).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA  
PHIÊN TÒA**

2AAKKBQ\*eeccaf+

**Vũ Ngọc Chiến**